TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DSST
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thanh Học.

2. Bà Đỗ Thị Thanh Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố 4, phường C, Tp. H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Minh N, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: Ấp P, xã M, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Khu Xha, khu phố B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Diệp Mỹ T, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: Khu phố 3, phường C, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Khu Xha, khu phố B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

(Chị B có mặt, anh N và chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Anh Trần Minh N và chị Diệp Mỹ T có tham gia chơi những dây hụi do chị Phạm Ngọc B làm chủ hụi như sau:

1. Dây hụi 60 ngày: Được khui vào ngày 18/4/2022, kết thúc vào ngày 16/6/2022, hụi sống đóng 100.000đ/phần, hụi chết đóng 120.000đ/phần, tiền thảo cho chủ hụi là 120.000đ/phần. Anh N có tham gia 15 phần hụi, ngày 22/4/2022, kì hụi thứ 31 thì anh N đăng ký hốt hết 15 phần hụi với số tiền 87.900.000 đồng, sau đó anh N đóng hụi đến ngày 18/5/2022 thì ngưng không đóng nữa. Tổng số tiền anh N còn nợ hụi ngày: 29 kì hụi x 15 phần x 120.000 đồng = 52.200.000 đồng.

2. Dây hụi 24 tuần: Được khui vào ngày 20/3/2022, kết thúc vào ngày 28/8/2022, hụi sống đóng 500.000đ/phần, hụi chết đóng 600.000đ/phần, tiền thảo cho chủ hụi là 500.000đ/phần. Anh N có tham gia 02 phần hụi, ngày 10/4/2022, kì hụi thứ 4 thì anh N đăng ký hốt 01 phần hụi với số tiền 11.300.000 đồng, ngày 01/5/2022, kì hụi thứ 7 thì anh N đăng ký hốt 01 phần hụi với số tiền 11.600.000 đồng, sau đó anh N đóng hụi đến kì 11 ngày 29/5/2022 thì ngưng không đóng, tới ngày 30/6/2022, anh N tiếp tục đóng 6 ngày và ngưng đóng tới nay. Tổng số tiền anh N còn nợ hụi tuần: 7 kì hụi x 2 phần x 600.000 đồng = 8.400.000 đồng.

3. Dây hụi 24 tháng: Được khui vào ngày 08/4/2022, kết thúc vào ngày 08/3/2024, ngày 8 hàng tháng bỏ thăm ăn hụi, hụi sống đóng 3.000.000đ – số thăm cao nhất, hụi chết đóng 3.000.000đ/phần, tiền thảo cho chủ hụi là 3.000.000đ/phần. Anh N có tham gia 01 phần hụi, ngày 08/3/2022, kì hụi thứ 1 thì anh N bỏ thăm ăn hụi 780.000 đồng và hốt được số tiền 45.990.000 đồng, anh N đóng tới ngày

29/5/2022 được 01 tháng 21 ngày và ngưng không đóng, tới ngày 30/6/2022, anh N tiếp tục đóng 6 ngày và ngưng đóng tới nay.

Trong quá trình tham gia những dây hụi trên có sự tham gia của vợ anh N là chị Diệp Mỹ T, chị T có đến nhà đóng hụi nhiều lần, còn đề nghị dây hụi sau sẽ tham gia thêm. Ngoài ra, chị T còn biết anh N hốt hụi được bao nhiêu và chuyển tiền đóng hụi cho chị B bao nhiêu lần, anh N cũng bảo rằng việc tham gia chơi hụi vợ anh biết và ủng hộ. Trong gia đình, vợ chồng anh N là trụ cột buôn bán làm ăn bằng phương tiện xe tải, do kẹt tiền nên đăng ký hốt hụi để có vốn làm ăn, nên việc anh N tham gia chơi hụi có sự đồng tình của chị T. Tới ngày 11/5/2022, anh N và chị T có đến nhà chị B đóng hụi đã nợ trước đó, đến ngày 19/5/2022 thì không đóng nữa. Ngày 30/5/2022, chị B có dùng mạng xã hội để kết nối gặp anh N, anh N chủ động đề nghị chị B cộng tất cả tiền hụi ngày lại và xin ngưng đóng vì không có khả năng đóng với tổng số tiền 52.200.000 đồng. Do chị B không tràn hụi nổi nên đã đề nghị anh N mượn tiền của bạn chị B tên Ngô Kim C với số tiền 50.000.000 đồng để lắp vô số tiền trên, anh N đóng lãi cho chị C được 6 ngày (200.000đ/ngày) thì ngưng đóng, do uy tín nên chị B phải xuất 50.000.000 đồng để trả cho chị C.

Ngày 26/9/2022, chị B làm đơn khởi kiện bổ sung đối với dây hụi tuần do dây hụi đã mãn vào ngày 28/8/2022, yêu cầu anh N và chị T trả thêm 6 kì hụi sau chưa đóng là 6 kì hụi x 2 phần x 600.000đ = 7.200.000 đồng.

Chị B khởi kiện yêu cầu anh Trần Minh N và chị Diệp Mỹ T trả cho chị B số tiền hụi còn thiếu như sau:

Nợ tiền hụi của dây hụi 60 ngày (khui ngày 18/4/2022, kết thúc ngày 16/6/2022): 29 kỳ hụi x 15 phần x 120.000 đồng = 52.200.000 đồng.

Nợ tiền hụi của dây hụi 24 tuần (khui ngày 20/3/2022, kết thúc ngày 28/8/2022): 13 kỳ hụi x 2 phần x 600.000 đồng = 15.600.000 đồng.

Nợ tiền hụi của dây hụi 24 tháng (khui ngày 08/4/2022, kết thúc ngày 08/3/2024): Tiền hụi đã hốt 45.990.000 đồng – 5.700.000 đồng (đã đóng) = 40.290.000 đồng.

Tổng số tiền hụi yêu cầu anh N, chị T trả là 108.090.000 đồng. Đồng thời, anh N và chị T phải chịu lãi chậm thanh toán các khoản nợ hụi nêu trên từ ngày 18/7/2022 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Theo lời khai của bị đơn anh Trần Minh N trình bày:

Anh Trần Minh N là chồng của chị Diệp Mỹ T, anh N có tham gia 03 dây hụi do chị B làm chủ hụi như chị B đang khởi kiện. Việc chơi hụi thì vợ anh N không biết và không tham gia, tiền hốt hụi dùng vào mục đích để làm vốn mua bán, tiền lãi từ hụi dùng cho cuộc sống gia đình nhưng làm ăn thua lỗ nên chỉ để trả nợ.

Đối với dây hụi ngày 60 đầu, anh N tham gia 15 đầu và đã hốt hết 15 đầu được số tiền 87.900.000 đồng, anh N đã đóng hụi xong cho chị B nhưng không có làm biên nhận, chỉ làm việc qua điện thoại, trả bằng tiền mặt nhưng không nhớ thời gian trả. Lúc đó, chị B cho anh N vay 50.000.000 đồng với lãi suất 200.000đ/ngày, anh N bù thêm 2.000.000 đồng, tổng cộng là 52.000.000 đồng để trả tiền hụi cho chị B, nay chị B yêu cầu trả số tiền hụi 52.000.000 đồng thì anh N không đồng ý.

Đối với dây hụi tuần 24 đầu, anh N tham gia 2 đầu và đã hốt hết 2 đầu, hốt lần đầu được 11.300.000 đồng, hốt lần thứ hai được số tiền 11.600.000 đồng, anh N đã đóng hụi cho chị B được 17 lần, còn nợ 7 lần nữa đến khi mãn hụi. Anh N chỉ thừa nhận còn nợ chị B 7 tuần x 2 phần x 600.000 đồng = 8.400.000 đồng.

Đối với dây hụi tháng 24 đầu, anh N tham gia 1 đầu và đã hốt xong, hốt được số tiền 48.990.000 đồng, trừ hoa hồng 3.000.000 đồng thì còn 45.990.000, nhưng thực chất anh N chỉ nhận được 24.450.000 đồng, vì cấn trừ tiền bỏ hụi ngày vào ngày 09/4/2022 là 2.520.000 đồng, tiền bỏ hụi ngày vào ngày 10/4/2022 là 2.520.000 đồng và các khoản tiền khác. Anh N đã đóng được 5.700.000 đồng, hiện nay thừa nhận còn nợ chị B tiền hụi tháng là 40.990.000 đồng.

Anh N thừa nhận hiện nay còn nợ tiền hụi của chị B tổng cộng là 48.690.000 đồng, cộng số tiền vay 50.000.000 đồng nữa nên còn nợ chị B số tiền 98.690.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ nên xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, nếu có điều kiện sẽ trả hết cho chị B.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, chị Diệp Mỹ T đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không thể hiện ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Các Giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Ngọc B, Trần Minh N (phô tô);02 Sổ hộ khẩu chủ hộ Phạm Ngọc B và Trần Minh N (phô tô); Biên lai giao hụi 11.600.000 (bản đánh máy, có chữ ký Phạm Ngọc B bằng mực xanh, chữ ký Trần Minh N phô tô); Biên lai giao hụi 87.900.000 (bản đánh máy, có chữ ký Phạm Ngọc B bằng mực xanh, chữ ký Trần Minh N phô tô); Tờ giấy viết tay ghi chữ và số có dòng đầu tiên: "A N hốt hụi Tháng 3 tr lần thứ I" (phô tô); Tờ giấy viết tay ghi chữ và số có dòng đầu tiên: "Hụi Tháng 3 Tr Khui 5/4/2022" (phô tô); 03 tờ giấy chụp màn hình điện thoại thể hiện tin nhắn "A N", "Diệp T" (phô tô).

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc yêu cầu anh Trần Minh N và chị Diệp Mỹ T phải trả số tiền hụi còn nợ của 03 dây hụi tổng cộng là 108.090.000 đồng. Đồng thời, anh N và chị T phải chịu lãi chậm thanh toán các khoản nợ hụi nêu trên từ ngày 18/7/2022 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Chị T vẫn còn ở H, hai vợ chồng anh N và chị T thường chở nhau đi dạo chơi, việc chơi hụi là anh N tham gia trực tiếp nhưng khi đóng hụi thì chị T có đến đóng hụi và tiền hốt hụi lo cho cuộc sống gia đình nên là nợ chung vợ chồng. Số tiền 50 triệu đồng anh N khai vay của chị B là không đúng mà là vay của bạn chị B để trả tiền hụi cho chị B nhưng chỉ trả được 06 lần sau đó không trả nữa nên chị B tự trả cho người bạn để giữ uy tín, vì vậy đến nay anh N vẫn chưa trả tiền hụi của dây hụi ngày cho chị B.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; giao gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố

tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, buộc anh N và chị T liên đới trả cho chị B số tiền hụi còn nợ là 108.090.000 đồng, đồng thời, anh N và chị T phải chịu lãi chậm thanh toán khoản tiền nêu trên từ ngày 18/7/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh N và chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn anh Trần Minh N có nơi cư trú tại khu phố B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi còn thiếu. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị T.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xác định anh Trần Minh N có tham gia 03 dây hụi do chị Phạm Ngọc B làm chủ hụi, cụ thể: Dây hụi 60 ngày: Được khui

vào ngày 18/4/2022, kết thúc vào ngày 16/6/2022, hụi sống đóng 100.000đ/phần, hụi chết đóng 120.000đ/phần, tiền thảo cho chủ hụi là 120.000đ/phần, anh N có tham gia 15 phần hụi, ngày 22/4/2022, kì hụi thứ 31 thì anh N đăng ký hốt hết 15 phần hụi với số tiền 87.900.000 đồng. Dây hụi 24 tuần: Được khui vào ngày 20/3/2022, kết thúc vào ngày 28/8/2022, hụi sống đóng 500.000đ/phần, hụi chết đóng 600.000đ/phần, tiền thảo cho chủ hụi là 500.000đ/phần, anh N có tham gia 02 phần hụi, ngày 10/4/2022, kì hụi thứ 4 thì anh N đăng ký hốt 01 phần hụi với số tiền 11.300.000 đồng, ngày 01/5/2022, kì hụi thứ 7 thì anh N đăng ký hốt 01 phần hụi với số tiền 11.600.000 đồng. Dây hụi 24 tháng: Được khui vào ngày 08/4/2022, kết thúc vào ngày 08/3/2024, ngày 8 hàng tháng bỏ thăm ăn hụi, hụi sống đóng 3.000.000đ – số thăm cao nhất, hụi chết đóng 3.000.000đ/phần, tiền thảo cho chủ hụi là 3.000.000đ/phần, anh N có tham gia 01 phần hụi, ngày 08/3/2022, kì hụi thứ 1 thì anh N bỏ thăm ăn hụi 780.000 đồng và hốt được số tiền 45.990.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định giữa anh N và chị B có xác lập hợp đồng về góp hụi phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự, đây là loại hụi có lãi theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ hướng dẫn về họ, hụi, biêu, phường.

[4] Anh N thừa nhận hiện nay còn nợ tiền hụi của chị B tổng cộng là 48.690.000 đồng, cộng số tiền vay 50.000.000 đồng nữa nên còn nợ chị B số tiền 98.690.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với dây hụi ngày 60 đầu, anh N khai đã đóng hụi xong cho chị B nhưng không có làm biên nhận, chỉ làm việc qua điện thoại, trả bằng tiền mặt nhưng không nhớ thời gian trả, lúc đó, chị B cho anh N vay 50.000.000 đồng với lãi suất 200.000đ/ngày, anh N bù thêm 2.000.000 đồng, tổng cộng là 52.000.000 đồng để trả tiền hụi cho chị B, nay chị B yêu cầu trả số tiền hụi 52.000.000 đồng thì anh N không đồng ý, tuy nhiên anh N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho những lời khai trên là có căn cứ và hợp pháp, trong khi chị B không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận lời khai nại trên của anh N, việc anh N khai đang nợ tiền hụi của chị B mà lại vay tiền của chính chị B để trả vô tiền hụi là hoàn toàn vô nghĩa và bất hợp lý, khoản nợ trước sau vẫn có nguồn gốc là nợ tiền hụi và anh N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi chưa góp

cho chị B là phù hợp quy định pháp luật. Đối với dây hụi tuần 24 đầu, anh N tham gia 2 đầu và đã hốt hết 2 đầu, anh N khai đã đóng hụi cho chị B được 17 lần, còn nợ 7 lần nữa đến khi mãn hụi, anh N chỉ thừa nhận còn nợ chị B 7 tuần x 2 phần x 600.000 đồng = 8.400.000 đồng, trong khi mỗi lần đóng hụi, anh N không làm văn bản hay có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã đóng được bao nhiêu lần hụi, vì vậy không có cơ sở chấp nhận lời khai của anh N về việc chỉ còn nợ chị B 07 lần đóng hụi x 02 phần hụi của dây hụi tuần 24 đầu. Đối với dây hụi tháng 24 đầu, anh N tham gia 1 đầu và đã hốt xong, anh N đã đóng được 5.700.000 đồng, hiện nay thừa nhận còn nợ chị B tiền hụi tháng là 40.290.000 đồng phù hợp với yêu cầu khởi kiện của chị B nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ liên đới của chị Diệp Mỹ T: Căn cứ Trích lục kết hôn số 402/TLKH-BS ngày 16/11/2022 của UBND xã M, huyện G, tỉnh Kiên Giang, giữa chị Diệp Mỹ T và anh Trần Minh N vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, xác lập quan hệ hôn nhân ngày 18/8/2015. Khoản nợ hụi hình thành trong thời kỳ hôn nhân, anh N cũng khai nhận việc chơi hụi của chị B thì vợ anh N là chị T không biết và không tham gia, tiền hốt hụi dùng vào mục đích để làm vốn mua bán, tiền lãi từ hụi dùng cho cuộc sống gia đình nhưng làm ăn thua lỗ nên chỉ để trả nợ. Vì vậy, khoản nợ hụi giữa chị B và anh N là khoản nợ chung vợ chồng theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chị T phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh N thanh toán tiền hụi cho chị B theo quy định của pháp luật.

[6] Theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ hướng dẫn về họ, hụi, biêu, phường, hụi viên được hưởng lãi từ thành viên lĩnh hụi. Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về nghĩa vụ của chủ họ là phải nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ. Khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định trường hợp đến kỳ mở họ mà thành viên đã lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi. Trường hợp họ có lãi, lãi suất được xác định theo mức quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự đối với họ có lãi.

Tổng số tiền hụi chị B yêu cầu anh N, chị T trả là 108.090.000 đồng, đồng thời, anh N và chị T phải chịu lãi chậm thanh toán khoản nợ hụi nêu trên từ ngày 18/7/2022 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Tại thời điểm khởi kiện ngày 18/7/2022, dây hụi 24 tuần chưa mãn và còn tồn lại 6 kì hụi, đến ngày 26/9/2022, chị B mới khởi kiện bổ sung yêu cầu anh N, chị T thanh toán tiếp 6 kì hụi là 7.200.000 đồng (hụi mãn ngày 28/8/2022). Xét thấy cần buộc anh N, chị T trả cho chị B tiền hụi còn thiếu cả gốc và lãi chậm thanh toán là phù hợp. Tiền lãi chậm trả được tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2023: [100.890.000 đồng x 0,83% x 8 tháng 13 ngày (18/7/2022 – 31/3/2023) = 7.061.965 đồng] + [7.200.000 đồng x 0,83% x 7 tháng 3 ngày (28/8/2022 – 31/3/2023) = 424.296 đồng] = 7.486.261 đồng, làm tròn 7.486.000 đồng. Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi buộc anh N và chị T phải thanh toán cho chị B là 108.090.000 đồng + 7.486.000 đồng = 115.576.000 đồng. Việc anh N xin trả dần số nợ hụi mỗi tháng 1.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn nhưng chị B không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] Về án phí: Anh N và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho chị B là 115.576.000 đồng x 5% = 5.779.000 đồng. Hoàn trả cho chị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ hướng dẫn về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc B, buộc anh Trần Minh N và chị Diệp Mỹ T phải trả cho chị Phạm Ngọc B số tiền hụi còn thiếu là 115.576.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó, tiền gốc là 108.090.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), tiền lãi chậm trả là 7.486.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Trần Minh N và chị Diệp Mỹ T phải chịu án phí số tiền 5.779.000 đồng (Năm triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

- Trả lại cho chị Phạm Ngọc B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.522.000đ (Hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000579 ngày 18/7/2022 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000690 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDS Tp. H;
- Những người TGTT,
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Chí Dũng